

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN ĐẠI VIỆT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sơn Đại Việt (được đổi tên từ Công ty cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Đại Việt) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500478210 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở chính: Thanh Lâm, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng chẵn./).

Vốn thực góp tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng chẵn).

Tương đương với 28.000.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp.

Công ty có các Chi nhánh, địa điểm kinh doanh như sau:

- Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa, địa chỉ: QL1A, Xã Hoàng Phú, Huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: Xóm 5, Xã Đông Sơn, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng

CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU PHÁT SINH TRONG NĂM

Ngày 29/12/2020 sở GD&ĐT Hà Nội đã ban hành Quyết định số 766/QĐ-SGD&ĐT về việc chấp thuận niêm yết cổ phần Công ty CP Tập đoàn Sơn Đại Việt

Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông

Mã chứng khoán: DVG

Mệnh giá chứng khoán: 10.000 VND/cp

Số lượng chứng khoán niêm yết: 4.000.000 cp

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết (theo mệnh giá): 40.000.000.000VND (Bốn mươi tỷ đồng).

Ngày 30/12/2020 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40.000.000.000VND lên 280.000.000.000VND theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ/DVG ngày 16/11/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2020 của Công ty CP Tập đoàn Sơn Đại Việt.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 14/01/2021, số lượng 4.000.000 CP DVG của Công ty CP Tập đoàn Sơn Đại Việt chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500478210 ngày 03 tháng 02 năm 2021. Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào quan trọng hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo bao gồm:

Ông Bùi Văn Thụy	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên
Ông Hồ Đình Tùng	Thành viên
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo bao gồm:

Ông Phạm Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Viết Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Thế Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm Soát

Bà Trương Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thùy Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sơn Đại Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Hải



Số: 247/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao

gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Hoàng Kim Thùy

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 1464 -2018-133-1

Kiểm toán viên

Ngô Duy Việt

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 1703-2019-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.814.710.272	81.985.469.081
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	793.209.287	1.377.642.705
111	1. Tiền		793.209.287	1.377.642.705
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.200.000.000	14.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	8.200.000.000	14.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		72.416.444.757	42.774.786.129
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	25.986.524.311	22.571.570.873
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46.329.394.967	17.032.761.162
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	100.525.479	3.170.454.094
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	39.002.672.408	23.265.968.676
141	1. Hàng tồn kho		39.002.672.408	23.265.968.676
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		402.383.820	367.071.571
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	132.447.383	130.614.846
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		269.936.437	236.456.725
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		215.318.651.469	7.194.827.429
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.318.651.469	6.937.837.669
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	5.908.017.023	6.733.895.017
222	- Nguyên giá		9.576.407.047	9.361.861.592
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.668.390.024)	(2.627.966.575)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.410.634.446	203.942.652
228	- Nguyên giá		9.601.500.000	270.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(190.865.554)	(66.057.348)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		200.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con	4	200.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	256.989.760
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	-	256.989.760
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		336.133.361.741	89.180.296.510

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		45.920.900.326	44.631.323.138
310	I. Nợ ngắn hạn		45.920.900.326	44.631.323.138
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.238.353.779	15.245.449.571
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	12.410.859	3.286.453.042
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	948.317.196	764.187.076
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	27.769.923	127.078.547
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	27.694.048.569	25.208.154.902
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		290.212.461.415	44.548.973.372
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	290.212.461.415	44.548.973.372
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.000.000.000	40.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.000.000.000	40.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(30.000.000)	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.242.461.415	4.548.973.372
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.548.973.372	795.888.864
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.693.488.043	3.753.084.508
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		336.133.361.741	89.180.296.510

Người lập biểu

Nguyen Thu Ngan

Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng

Tran Thi Thanh

Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

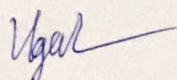


Phạm Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	130.285.141.116	124.080.354.575
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		130.285.141.116	124.080.354.575
11	4. Giá vốn hàng bán	19	115.727.882.255	111.212.350.065
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		14.557.258.861	12.868.004.510
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	964.918.774	265.982.408
22	7. Chi phí tài chính	21	1.882.914.881	1.425.248.835
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.746.251.233	1.362.642.705
24	8. Chi phí bán hàng	22	3.299.338.638	2.170.859.353
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.956.667.529	4.360.267.903
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		6.383.256.587	5.177.610.827
31	11. Thu nhập khác	24	255.755.430	3.714.220
32	12. Chi phí khác	25	16.111.733	291.438.405
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		239.643.697	(287.724.185)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		6.622.900.284	4.889.886.642
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	929.412.241	1.136.802.134
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		5.693.488.043	3.753.084.508
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Phương pháp gián tiếp
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	6.622.900.284	4.889.886.642
	2. Điều chỉnh cho các khoản	1.966.421.156	2.149.278.260
02	- Khấu hao tài sản cố định	1.165.231.655	1.034.747.407
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(13.944.960)	(14.770.380)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(931.116.772)	(233.341.472)
06	- Chi phí lãi vay	1.746.251.233	1.362.642.705
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8.589.321.440	7.039.164.902
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(29.675.138.340)	7.457.315.626
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(15.736.703.732)	(12.518.200.404)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(1.277.592.632)	(4.151.135.822)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	255.157.223	(255.004.965)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.749.559.857)	(1.331.564.158)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(730.357.025)	(853.513.771)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(40.324.872.923)	(4.612.938.592)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(9.546.045.455)	(763.648.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	6.000.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(200.000.000.000)	(14.200.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	830.591.293	1.788.595
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(202.715.454.162)	(14.961.859.405)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Phương pháp gián tiếp
(Tiếp theo)
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	239.970.000.000	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	74.875.978.946	56.214.077.128
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(72.390.085.279)	(38.070.216.157)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	242.455.893.667	18.143.860.971
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(584.433.418)	(1.430.937.026)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.377.642.705	2.808.579.731
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	793.209.287	1.377.642.705

Người lập biểu

Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sơn Đại Việt (được đổi tên từ Công ty cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Đại Việt) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500478210 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở chính: Thanh Lâm, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng chẵn./).

Vốn thực góp tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng chẵn).

Tương đương với 28.000.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp.

Công ty có các Chi nhánh, địa điểm kinh doanh như sau:

- Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa, địa chỉ: QL1A, Xã Hoằng Phú, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: Xóm 5, Xã Đông Sơn, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của công ty gồm

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
Chi tiết: Sản xuất sơn xây dựng; Sản xuất bột bả matist, véc ni và các chất sơn quét tương tự;
- Bán buôn vật liệu.

Sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

Ngày 29/12/2020 sở GD&ĐT Hà Nội đã ban hành Quyết định số 766/QĐ-SGD&ĐT về việc chấp thuận niêm yết cổ phần Công ty CP Tập đoàn Sơn Đại Việt

Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông

Mã chứng khoán: DVG

Mệnh giá chứng khoán: 10.000 VND/cp

Số lượng chứng khoán niêm yết: 4.000.000 cp

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết (theo mệnh giá): 40.000.000.000VND (Bốn mươi tỷ đồng).

Ngày 30/12/2020 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40.000.000.000VND lên 280.000.000.000VND theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-DHĐCĐ/DVG ngày 16/11/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2020 của Công ty CP Tập đoàn Sơn Đại Việt.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2021.

2.2. Kỳ kế toán năm, đơn vị tiền tệ

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị: 03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 - 10 năm
- Phần mềm máy tính: 03 năm

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở khoản chi phí đầu tư để có được quyền sử dụng đất hợp pháp và các chi phí liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (nếu có) và lệ phí trước bạ.

Khấu hao TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được phân bổ theo thời gian sử dụng đất: từ 35 – 40 năm.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

2.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh

ngành, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	690.581.376	1.169.607.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	102.627.911	208.035.522
- Tiền gửi VND	102.627.911	208.035.522
Cộng	793.209.287	1.377.642.705

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	8.200.000.000	8.200.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.200.000.000	8.200.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
Cộng	8.200.000.000	8.200.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000

Chi tiết số dư của tiền gửi có kỳ hạn như sau:

	Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư cuối năm VND
Ngắn hạn:			8.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thạch Thất	12	7,3	3.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thạch Thất	12	7,1	5.000.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

b. Đầu tư góp vốn vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
				Dự phòng	
Đầu tư góp vốn vào công ty con	200.000.000.000	-	-	-	-
Công ty CP tập đoàn Hưng Đại Nam	90.000.000.000	-	(*)	-	(*)
Công ty CP Dầu khí quốc tế Việt Mỹ	110.000.000.000	-	(*)	-	(*)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty con của công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP tập đoàn Hưng Đại Nam	Hà Nội	81,82%	81,82%	Sản xuất sơn xây dựng, bột bả matist
Công ty CP Dầu khí quốc tế Việt Mỹ	Hà Nội	84,62%	84,62%	Sản xuất sơn xây dựng, bột bả matist

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1, số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2020 thông qua ủy quyền cho HĐQT thực hiện mua cổ phần 02 công ty cùng ngành - sở hữu mẹ con. Ngày 30/12/2020, Công ty đã thực hiện giao dịch mua cổ phần của các cổ đông cá nhân sở hữu Công ty CP Hưng Đại Nam và Công ty CP Dầu khí quốc tế Việt Mỹ theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	25.986.524.311	22.571.570.873
- Công ty CP Quốc tế Hưng Đại Việt	3.169.271.394	-
- Công ty CP Sudo Việt Nam	4.468.566.075	-
- Công ty CP Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ		1.767.183.260
- Công ty CP Tập đoàn Hưng Đại Nam		5.721.165.200
- Công ty CP Phát triển Quốc tế Hưng Thịnh		4.974.505.153
- Công ty CP Phát triển và Đầu tư Đại Việt Holdings	105.238.500	6.040.542.238
- Công ty CP Nam Việt Group	6.343.885.677	-
- Công ty CP Dầu khí Quốc tế Nam Việt Group	4.947.332.661	-
- Công ty CP TNG Power	4.721.570.624	-
- Các đối tượng khác	2.230.659.380	4.068.175.022
Cộng	25.986.524.311	22.571.570.873

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	46.329.394.967	17.032.761.162
- Công ty CP Fatin Quốc tế	18.937.675.000	
- Công ty CP tập đoàn Sendai	14.998.388.591	
- Công ty CP Công nghệ Quốc tế Đại Việt	6.388.000.000	
- Công ty CP Đầu tư dầu khí Đại Việt	5.125.841.490	
- Các đối tượng khác	879.489.886	17.032.761.162
Cộng	46.329.394.967	17.032.761.162
Các bên liên quan	5.125.841.490	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Ngắn hạn	100.525.479	-	3.170.454.094	-
Kinh phí công đoàn	-	-	1.010.720	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	2.890.497	-
Tạm ứng	-	-	85.000.000	-
Phải thu khác	100.525.479	-	3.081.552.877	-
- <i>Dự thu lãi tiền gửi</i>	<i>100.525.479</i>	-	<i>231.552.877</i>	-
- <i>Hỗ trợ cán bộ CNV</i>	-	-	<i>2.850.000.000</i>	-
Cộng	100.525.479	-	3.170.454.094	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	38.995.463.659	-	23.223.494.797	-
Thành phẩm	7.208.749	-	42.473.879	-
Cộng	39.002.672.408	-	23.265.968.676	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.983.336.545	4.152.255.956	2.226.269.091	9.361.861.592
- Mua trong năm	214.545.455			214.545.455
- Đầu tư XD CB hoàn thành				-
- Chuyển sang CCDC				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	3.197.882.000	4.152.255.956	2.226.269.091	9.576.407.047
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	149.166.828	1.324.191.090	1.154.608.657	2.627.966.575
- Khấu hao trong năm	149.166.828	597.153.529	294.103.092	1.040.423.449
Số cuối năm	298.333.656	1.921.344.619	1.448.711.749	3.668.390.024
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2.834.169.717	2.828.064.866	1.071.660.434	6.733.895.017
Tại ngày cuối năm	2.899.548.344	2.230.911.337	777.557.342	5.908.017.023

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND
 - TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 163.000.000 VND

KẾ TOÁN CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SON ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	270.000.000	270.000.000
- Mua trong năm (*)	9.271.500.000	60.000.000	9.331.500.000
Số cuối năm	9.271.500.000	330.000.000	9.601.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	66.057.348	66.057.348
- Khấu hao trong năm	34.808.206	90.000.000	124.808.206
Số cuối năm	34.808.206	156.057.348	190.865.554
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	203.942.652	203.942.652
Tại ngày cuối năm	9.236.691.794	173.942.652	9.410.634.446

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	132.447.383	130.614.846
- Công cụ dụng cụ	132.447.383	130.614.846
b. Dài hạn	-	256.989.760
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	256.989.760
Cộng	132.447.383	387.604.606

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	17.238.353.779	17.238.353.779	15.245.449.571	15.245.449.571
- Kamsons Polymers	5.032.387.200	5.032.387.200	454.936.320	454.936.320
- Công ty CP Khoáng sản	3.083.170.000	3.083.170.000	-	-
- Công ty TNHH Liên doanh Axaltic Việt Nam	7.655.032.000	7.655.032.000	-	-
- Các đối tượng khác	1.467.764.579	1.467.764.579	14.790.513.251	14.790.513.251
Cộng	17.238.353.779	17.238.353.779	15.245.449.571	15.245.449.571
Bên liên quan	-	-	1.839.028.185	1.839.028.185

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	12.410.859	3.286.453.042
- Công ty CP Quốc tế Sao Phương Nam	12.410.859	-
- Các đối tượng khác	-	3.286.453.042
Cộng	12.410.859	3.286.453.042

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	749.261.980	929.412.241	730.357.025	948.317.196
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.925.096	-	14.925.096	-
Cộng	764.187.076	934.412.241	750.282.121	948.317.196

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	27.769.923	127.078.547
- Trích trước lãi vay	27.769.923	31.078.547
- Chi phí thuế xường	-	96.000.000
Cộng	27.769.923	127.078.547

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngán hạn							
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thạch Thất (*)	27.694.048.569	27.694.048.569	74.875.978.946	72.390.085.279	25.208.154.902	25.208.154.902	
Cộng	27.694.048.569	27.694.048.569	74.875.978.946	72.390.085.279	25.208.154.902	25.208.154.902	

(*) Chi tiết hợp đồng vay:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/7608464/HĐTD ngày 24 tháng 02 năm 2020

- Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND

- Thời hạn: 12 tháng

- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C.

- Lãi suất: Theo từng hợp đồng cụ thể

- Biện pháp đảm bảo:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Công ty CP Sơn Đại Việt tại NH Đầu tư Phát triển Việt Nam, CN Thạch Thất (2 hợp đồng). Tổng giá trị các hợp đồng tiền gửi này là : 8.200.000.000 VND;

+ Tài sản bồi bên thứ 3 (thuộc sở hữu của các cá nhân có quan hệ gia đình với ông Bùi Văn Thụy - Chủ tịch HĐQT công ty) được thế chấp tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thạch Thất theo các hợp đồng thế chấp số 01/2018/7608464/HĐBĐ ngày 18/04/2018 và Hợp đồng thế chấp số 02/2018/7608464/HĐBĐ ngày 18/04/2018.

- Số dư vay tại 31/12/2020 là: 27.694.048.569 VND

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000		795.888.864	40.795.888.864
- Tăng vốn trong năm trước				-
- Lãi trong năm trước			3.753.084.508	3.753.084.508
- Giảm khác				-
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	-	4.548.973.372	44.548.973.372
- Tăng vốn trong năm nay	240.000.000.000			240.000.000.000
- Lãi trong năm nay		(30.000.000)	5.693.488.043	5.693.488.043
- Giảm khác				(30.000.000)
Số dư cuối năm nay	280.000.000.000	(30.000.000)	10.242.461.415	290.212.461.415

b. Tình hình sử dụng vốn

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ/DVG ngày 16/11/2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2020/NQ-HĐQT/DVG ngày 20/11/2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2020/NQ-HĐQT/DVG ngày 10/12/2020.

STT	Nội dung	Theo phương án phát hành	Thực tế đã sử dụng đến 31/12/2020
1	Góp vốn vào Công ty CP Tập đoàn Hưng Đại Nam	90.000.000.000	90.000.000.000
2	Góp vốn vào Công ty Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ	110.000.000.000	110.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động (*)	40.000.000.000	40.000.000.000
	Cộng	240.000.000.000	240.000.000.000

(*) Ứng tiền mua nguyên vật liệu theo hợp đồng:

- Công ty CP Fatin Quốc tế
 - Công ty CP Tập đoàn Sendai
 - Công ty CP Dầu tư Dầu khí Đại Việt
- Cộng**

Chênh lệch lấy từ nguồn tự có tại doanh nghiệp

	Số tiền
	18.937.675.000
	14.998.388.591
	6.388.000.000
	40.324.063.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Bùi Văn Thụy	92.478.450.000	33,0	29.665.390.000	74,2
Các cổ đông khác	187.521.550.000	67,0	10.334.610.000	25,8
Cộng	280.000.000.000	100	40.000.000.000	100

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	240.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	280.000.000.000	40.000.000.000

e. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	28.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.000.000</i>	<i>4.000.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ/DVG ngày 16/11/2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2020/NQ-HĐQT/DVG ngày 20/11/2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2020/NQ-HĐQT/DVG ngày 10/12/2020 thông qua tiến hành tăng vốn điều lệ năm 2020 từ 40 tỷ đồng lên 280 tỷ đồng, và triển khai việc phát hành tăng vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	130.285.141.116	124.080.354.575
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>38.672.385.000</i>	<i>26.657.642.760</i>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>91.612.756.116</i>	<i>97.422.711.815</i>
Cộng	130.285.141.116	124.080.354.575

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	115.727.882.255	111.212.350.065
- <i>Giá vốn bán thành phẩm</i>	<i>29.018.793.462</i>	<i>18.405.960.561</i>
- <i>Giá vốn bán hàng hóa</i>	<i>86.709.088.793</i>	<i>92.806.389.504</i>
Cộng	115.727.882.255	111.212.350.065

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SƠN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	931.116.772	233.341.472
- Chênh lệch tỷ giá	33.802.002	32.640.936
Cộng	964.918.774	265.982.408

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền vay	1.746.251.233	1.362.642.705
- Chênh lệch tỷ giá	136.663.648	62.606.130
- Khác		
Cộng	1.882.914.881	1.425.248.835

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	174.090.404	110.827.800
- Chi phí nhân công	2.995.067.797	823.834.596
- Chi phí khấu hao	98.333.328	98.333.328
- Chi phí dự phòng	31.847.109	1.105.065.006
- Chi phí khác bằng tiền		32.798.623
Cộng	3.299.338.638	2.170.859.353

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	143.953.281	93.771.481
- Chi phí nhân công	1.954.927.126	1.642.380.481
- Chi phí khấu hao	213.435.118	154.214.726
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.281.269	1.559.016.551
- Chi phí khác bằng tiền	1.144.070.735	905.884.664
Cộng	3.956.667.529	4.360.267.903

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	255.755.430	3.714.220
Cộng	255.755.430	3.714.220

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế		280.626.539
- Chi phí khác	16.111.733	10.811.866
Cộng	16.111.733	291.438.405

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.622.900.284	4.889.886.642
Các khoản điều chỉnh tăng	15.758.581	291.438.405
- Chi phí không hợp lệ	15.758.581	291.438.405
- Tỷ giá cuối kỳ		
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.638.658.865	5.181.325.047
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.327.731.773	1.036.265.009
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		100.537.125
Chi phí thuế TNDN được giảm (*)	(398.319.532)	
Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính	929.412.241	1.136.802.134
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	749.261.980	465.973.617
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(730.357.025)	(853.513.771)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	948.317.196	749.261.980

(*) Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	26.283.660.585	16.803.413.704
- Chi phí nhân công	7.006.543.637	3.258.184.500
- Chi phí khấu hao	1.165.231.655	1.034.747.407
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	603.021.269	2.760.081.557
- Chi phí khác bằng tiền	1.144.070.735	938.683.287
Cộng	36.207.527.881	24.800.110.455

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	793.209.287		1.377.642.705	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.087.049.790	-	25.742.024.967	-
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	8.200.000.000	-	14.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-		-	
Cộng	35.080.259.077	-	41.319.667.672	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	27.694.048.569	25.208.154.902
Phải trả người bán, phải trả khác	17.238.353.779	15.245.449.571
Chi phí phải trả	27.769.923	127.078.547
Cộng	44.960.172.271	40.580.683.020

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	793.209.287			793.209.287
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.087.049.790	-		26.087.049.790
Đầu tư ngắn hạn	8.200.000.000			8.200.000.000
Cộng	35.080.259.077	-	-	35.080.259.077
	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.377.642.705			1.377.642.705
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.742.024.967	-		25.742.024.967
Đầu tư ngắn hạn	14.200.000.000			14.200.000.000
Cộng	41.319.667.672	-	-	41.319.667.672

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SON ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	27.694.048.569	-		27.694.048.569
Phải trả người bán, phải trả	17.238.353.779	-		17.238.353.779
Chi phí phải trả	27.769.923	-		27.769.923
Cộng	44.960.172.271	-	-	44.960.172.271
Số đầu năm				
Vay và nợ	25.208.154.902	-		25.208.154.902
Phải trả người bán, phải trả	15.245.449.571	-		15.245.449.571
Chi phí phải trả	127.078.547	-		127.078.547
Cộng	40.580.683.020	-	-	40.580.683.020

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. THÔNG TIN KHÁC**Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

- Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tổng số tiền là: 8.200.000.000 đồng đang được thế chấp, cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 14/01/2021, số lượng 4.000.000 CP DVG của Công ty CP Tập đoàn Sơn Đại Việt chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty có thay đổi đăng ký kinh doanh lần 12 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500478210 thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2021.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào quan trọng hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SON ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Thanh Lâm, P.Phú Lâm, Q.Hà Đông, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu bán thành phẩm	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	91.612.756.116	38.672.385.000	130.285.141.116
Chi phí bộ phận	86.709.088.793	29.018.793.462	115.727.882.255
Kết quả kinh doanh bộ phận	4.903.667.323	9.653.591.538	14.557.258.861
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			7.256.006.167
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.301.252.694
Doanh thu hoạt động tài chính			964.918.774
Chi phí tài chính			1.882.914.881
Thu nhập khác			255.755.430
Chi phí khác			16.111.733
Thuế TNDN hiện hành			929.412.241
Lợi nhuận sau thuế			5.693.488.043

32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Đại Việt	Chủ tịch HĐQT của Cty CP tập đoàn Sơn Đại Việt là Giám đốc Công ty CP đầu tư dầu khí Đại Việt đến tháng 4/2020
- Ông Bùi Văn Thụy	Chủ tịch HĐQT Công ty

<u>b. Các giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Đại Việt	Bán hàng hóa, dịch vụ		96.000.000
	Thu tiền công nợ	818.988.063	460.000.000
	Mua hàng hóa, DV	54.250.518.388	27.969.028.185
	Thanh toán tiền hàng	61.215.388.063	26.130.000.000

c. Số dư với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Đại Việt	Trả trước người bán	5.125.841.490	
	Phải trả người bán		1.839.028.185

Các khoản bảo lãnh, thế chấp bởi bên thứ ba là người có liên quan

Các cá nhân là người có liên quan đến ông Bùi Văn Thụy - Chủ tịch HĐQT công ty đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản thuộc sở hữu nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba với NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thạch Thất để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng của Công ty CP tập đoàn Sơn Đại Việt (Thuyết minh số 16. Vay và nợ thuê tài chính).

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm nay</u>
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	873.012.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Hải